

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Huỳnh Cam Phát tại Công văn số 80/2022/CV-HCP ngày 06 tháng 12 năm 2022, Công văn số 83/CV-HCP-2022 ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc giải trình, nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án Xưởng chiết xuất dầu FO-R và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 302/TTr-STNMT ngày 04 tháng 10 năm 2022, Tờ trình số 365/TTr-STNMT ngày 07 tháng 11 năm 2022, Công văn số 5199/STNMT-CCBVMT ngày 12 tháng 12 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Huỳnh Cam Phát địa chỉ: Tại Số 5, tổ 8, thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Xưởng chiết xuất dầu FO-R” tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (vị trí khu đất thực hiện dự án thuộc trại giam Thủ Đức) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xưởng chiết xuất dầu FO-R.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số 1001132441, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18 tháng 11 năm 2022, do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

1.4. Mã số thuế: 1001132441.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chiết xuất dầu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích của dự án: Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án là 04 ha.

- Quy mô:

+ Dự án Nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương tự Nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

+ Công suất của dự án: 07-09 tấn dầu/ngày (tương đương 20 tấn nguyên liệu nhựa, cao su/ngày).

- Sản phẩm đầu ra: Dầu FO-R, thép.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Huỳnh Cam Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng

ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 19 tháng 12 năm 2022 đến ngày 18 tháng 12 năm 2032).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hàm Tân tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh – Phan Văn Đăng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Hàm Tân;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hàm Tân;
- Công ty TNHH SXTM Huỳnh Cam Phát;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Đăng**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2657 /GPMT-UBND ngày 19 /12/2022*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt được thu gom về hầm tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ. Sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Lưu lượng khoảng 0,45 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 2: Nước thải từ quá trình làm mát được thu gom về hồ chứa nước thải để giảm nhiệt. Sau đó tái sử dụng trong quy trình sản xuất. Lưu lượng khoảng 2,8 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn số 3: Nước thải từ quá trình rửa sàn, vệ sinh nhà xưởng được thu gom về bể tách dầu sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý, nước thải sau xử lý được lưu chứa tại hồ chứa để phục vụ cho mục đích rửa sàn, vệ sinh nhà xưởng. Lưu lượng khoảng 1,92 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn số 4: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt được dẫn về bể UASB của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn trước khi tái sử dụng. Lưu lượng khoảng 0,16 m<sup>3</sup>/ngày.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, vị trí xả thải:**

**2.1. Dòng thải:**

- Dòng số 1: Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn và tái sử dụng hoàn toàn, không xả thải ra môi trường.

- Dòng số 2: Nước thải từ quá trình làm mát sau khi xử lý được tái sử dụng hoàn toàn, không xả thải ra môi trường.

- Dòng số 3: Nước thải từ quá trình rửa sàn, vệ sinh nhà xưởng sau khi xử lý được tái sử dụng hoàn toàn, không xả thải ra môi trường.

- Dòng số 4: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt sau khi xử lý được tái sử dụng hoàn toàn, không xả thải ra môi trường.

**2.2. Vị trí xả thải:**

Toàn bộ nước thải của dự án sau xử lý được lưu chứa tại hồ chứa bằng bê tông cốt thép, có dung tích 72 m<sup>3</sup> (4 x 6 x 3m) trong khuôn viên dự án, sau đó được tái sử dụng hoàn toàn, không xả thải ra môi trường. Tọa độ hồ chứa X = 1190023; Y = 395384.

2.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa: Lưu lượng nước thải tối đa của dự án là 5,33 m<sup>3</sup>/ngày (trong đó, lưu lượng nước thải được đưa về Hệ thống xử lý nước thải tập trung với khối lượng 2,53 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022	Không
2	COD	mg/L	150		
3	TSS	mg/L	100		
4	Amoni	mg/L	10		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10		
6	Coliform	MPN/100 ml	5000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn 1: Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn bằng ống PVC sau đó được dẫn sang hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn 2: Nước thải từ quá trình làm mát được thu gom theo đường ống thép  $\phi 90$  về hồ chứa nước thải (hồ chứa bằng bê tông cốt thép) sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn 3: Nước thải rửa sàn, vệ sinh nhà xưởng được thu gom bằng mương bê tông cốt thép về bể tách dầu sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 4: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt được thu gom bằng đường ống thép chịu nhiệt có đường kính D90 dẫn về bể UASB của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: 01 Bể tự hoại 03 ngăn.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt có lưu lượng khoảng 0,45 m<sup>3</sup>/ngày đêm được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn. Sau đó, nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý đạt quy chuẩn.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước làm mát:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước làm mát → Đường ống thép D90 → Hồ chứa bằng bê tông (20 x 10 x 1m) → Tái sử dụng cho mục đích làm mát.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: [(Nước thải rửa sàn, vệ sinh nhà xưởng → Bể tách dầu) + Nước thải sau bể tự hoại + Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải] → Bể UASB → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể lọc → Bể chứa nước sau xử lý (Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

- Công suất thiết kế: 05 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, PAC.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Cung cấp đầy đủ các yếu tố cần thiết cho quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải như: nhân sự, cấp điện, hóa chất khử trùng, thiết bị xử lý,...

- Định kỳ theo dõi chế độ vận hành của máy móc thiết bị, kịp thời bảo trì, sửa chữa và thay thế khi có hỏng hóc. Máy móc luôn có thiết bị dự phòng và đảm bảo trong chế độ sẵn sàng hoạt động.

- Liên tục theo dõi chất lượng nước thải qua các giai đoạn để kịp thời đánh giá hiệu quả của từng giai đoạn xử lý. Từ đó, phát hiện các sự cố có khả năng xảy ra như hóa chất, vi sinh hiếu khí, bùn trong bể lắng,... và khắc phục khi có sự cố.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải được bơm về bể tách dầu mỡ có thể tích là 50 m<sup>3</sup> (thời gian lưu chứa nước thải trong 240 giờ). Đồng thời, có kế hoạch che chắn không để nước thải từ bể tách mỡ chảy sang hệ thống xử lý nước thải. Bộ phận kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải của nhà máy sẽ tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi sửa chữa, khắc phục xong, gỡ bỏ che chắn để nước thải tự chảy và vận hành bình thường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 02/2023 đến hết tháng 4/2023 (sau khi các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng, lắp đặt đủ điều kiện đi vào vận hành thử nghiệm).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Không.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải trước xử lý (bể tách dầu); 01 mẫu nước thải sau bể UASB, 01 mẫu nước thải sau bể keo tụ tạo bông; 01 mẫu nước thải sau xử lý (bể chứa nước thải sau xử lý).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm: Lưu lượng, pH, COD, TSS, Amoni, tổng dầu mỡ khoáng, coliform.

- Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Phải bảo đảm quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

- Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2657 /GPMT-UBND ngày 19 /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải tại hệ thống xử lý khí thải lò đốt, lưu lượng 5.000 m<sup>3</sup>/h. Khi thải từ các lò đốt được thu gom bằng đường ống thép chịu nhiệt được đưa về hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

2. Dòng khí thải:

Dòng khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt được đưa về hệ thống xử lý khí thải sau đó thải ra môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Ống khói lò đốt tại thôn Suối Bang, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.
- Tọa độ vị trí xả thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiếu 3°): X = 1190021; Y = 395372.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 5.000 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải gián đoạn (chu kỳ 8h/ngày).

2.2.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi	(mg/Nm <sup>3</sup> )	100	6 tháng/lần	Không
2	SO <sub>2</sub>	(mg/Nm <sup>3</sup> )	250		
3	NO <sub>2</sub>	(mg/Nm <sup>3</sup> )	500		
4	CO	(mg/Nm <sup>3</sup> )	250		
5	HCl	(mg/Nm <sup>3</sup> )	50	1 năm/lần	
6	Hg	(mg/Nm <sup>3</sup> )	0,2		
7	Cd	(mg/Nm <sup>3</sup> )	0,16		
8	Pd	(mg/Nm <sup>3</sup> )	1,2		



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom, khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Toàn bộ khí thải phát sinh từ lò đốt của các hệ thống chiết xuất dầu được thu gom bằng đường ống thép chịu nhiệt đưa về hệ thống xử lý khí thải để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải lò đốt → Tháp thu hồi nhiệt → Hệ thống lọc bụi túi vải → Tháp hấp thụ (dung dịch NaOH, Amoni) → Ống khói cao 18 m → Thải ra môi trường xung quanh (đạt QVCN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 5.000 m<sup>3</sup>/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, amoni.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Khi các hệ thống xử lý khí thải của các hệ thống, thiết bị gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường không khí và thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải tại khu vực xử lý.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 02/2023 đến hết tháng 4/2023 (sau khi các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng, lắp đặt đủ điều kiện đi vào vận hành thử nghiệm).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Không.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu khí thải tại ống khói lò đốt.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm: Lưu lượng, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, HCl, Hg, Cd, Pb, HC.

- Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm: Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp=1,0; Kv=1,0).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Phải bảo đảm quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành hệ thống xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng, các thông số đặc trưng của khí thải; lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2657 /GPMT-UBND ngày 19 /12/2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Khu vực xưởng sản xuất.
- Nguồn số 03: Khu vực Hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 04: Khu vực Hệ thống xử lý khí thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: tọa độ: X = 1.190.016; Y = 395.347.
- Nguồn số 02: tọa độ xưởng 1: X = 1.190.014; Y = 395.354. Tọa độ xưởng 2: X = 1.190.015; Y = 395.378.
- Nguồn số 03: tọa độ: X = 1.190.028; Y = 395.372.
- Nguồn số 04: tọa độ : X = 1.190.023; Y = 395.376.

3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn cho phép về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21h	Từ 21-6h		
1	55	45	Theo kế hoạch của Chủ dự án và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Khu vực đặc biệt
2	70	55		Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú

	Từ 6-21h	Từ 21-6h		
1	60	55	Theo kế hoạch của Chủ dự án và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Khu vực đặc biệt
2	70	60		Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

+ Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải bố trí các đệm chân chống rung, đế máy để hạn chế độ rung.

+ Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên để hạn chế lan truyền tiếng ồn đi xa. Diện tích cây xanh được trồng trong Dự án đạt tiêu chuẩn xây dựng cho phép.

+ Tổ chức các lớp huấn luyện về các nội dung: tác động của tiếng ồn đến sức khỏe, cách sử dụng các thiết bị chống ồn.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2657 /GPMT-UBND ngày 19 /12/2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	4
2	Dầu tràn (hoặc rơi vãi, rò rỉ).	Lỏng	17 02 04	800
3	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 04	30
4	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	15 02 02	30
5	Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu	Lỏng	17 05 05	50
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	20
7	Các loại pin, ắc quy khác		19 06 04	2
<b>Tổng số lượng</b>				<b>936 kg/năm</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Than đen	3.000 - 5.000
2	Tro, xỉ	10

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Thành phần: Bao gồm cả chất hữu cơ và vô cơ, trong đó chủ yếu thức ăn thừa, rác vụn nhỏ, que gỗ vụn, các túi chất dẻo, giấy vụn, bao bì.

- Khối lượng: 03 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy (dung tích thùng 220 lít).

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 25 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường, nền nhà xi măng, mái bằng tôn.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 240 lít.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn:

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì (50kg).
- Kho lưu chứa: lưu chứa tại khu vực nhà xưởng sản xuất.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các quy định tại Điều 36 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2657 /GPMT-UBND ngày 19 /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:** Không.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tro xỉ phân định là chất thải công nghiệp thông thường được hóa rắn hoặc chôn lấp an toàn trong bể đóng kín hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên các công trình xử lý chất thải (nước thải, khí thải) đảm bảo nước thải, khí thải đạt QCVN cho phép trước khi thải ra môi trường. Lập nhật ký vận hành các hệ thống xử lý.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, ..., theo quy định hiện hành. Đồng thời, tuân thủ các quy định và thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất đối với một hoạt động hoặc công đoạn sản xuất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.